

Họ và tên:

Lớp:

Nhiệm vụ: Chọn/điền các thông tin thích hợp để hoàn thành phiếu học tập

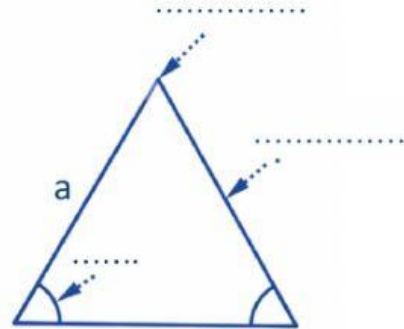
Lưu ý: Viết đúng chính tả

TỔNG HỢP MỘT SỐ HÌNH PHẪNG TRONG THỰC TIỄN

1. Hình tam giác đều

Trong hình tam giác đều:

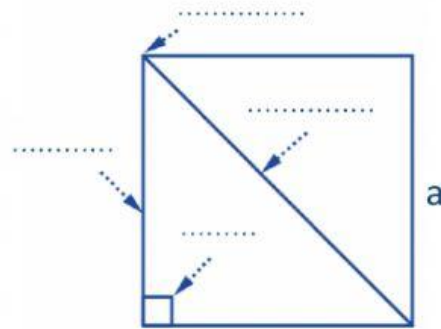
- Ba cạnh
- Ba góc bằng nhau và bằng 60° .
- C =



2. Hình vuông

Trong hình vuông:

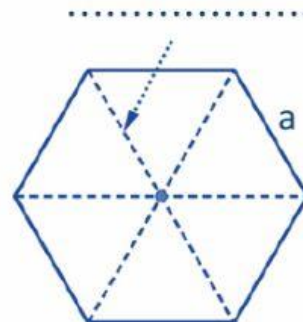
- Bốn cạnh
- Bốn góc bằng nhau và bằng 90° .
- Hai đường chéo
- S =
- C =



3. Hình lục giác đều

Trong hình lục giác đều:

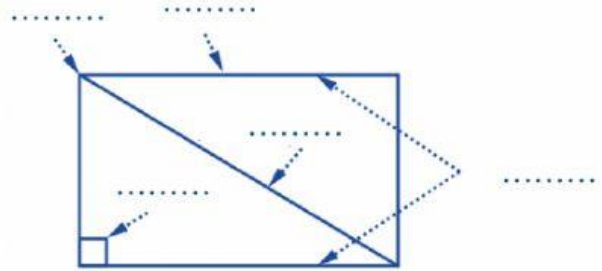
- Có ... cạnh và chúng bằng nhau.
- Sáu góc bằng nhau, mỗi góc bằng 120° .
- Có ... đường chéo chính và chúng bằng nhau.
- C =



4. Hình chữ nhật

Trong hình chữ nhật:

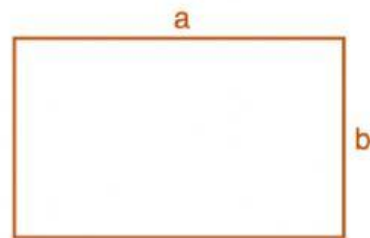
- Bốn góc bằng nhau và bằng 90° .
- Các cạnh đối
- Có ... đường chéo và chúng bằng nhau.



Cho hình chữ nhật có kích thước như hình bên.

Chọn công thức đúng:

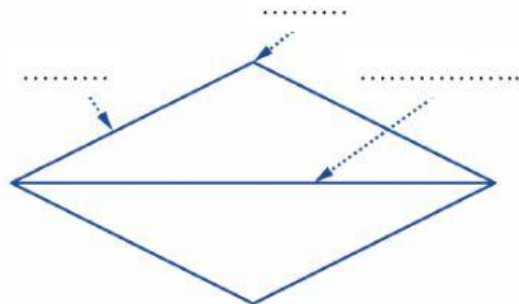
- $C = \dots\dots\dots$
- $S = \dots\dots\dots$



4. Hình thoi

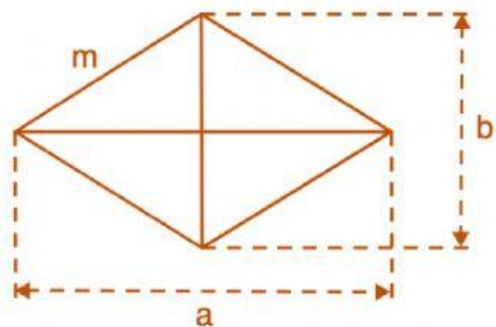
Trong hình thoi:

- cạnh bằng nhau.
- Hai đường chéo với nhau.
- Các cạnh đối với nhau.
- Các góc đối



Cho hình thoi có kích thước như hình bên. Chọn công thức đúng:

- $C = \dots\dots\dots$
- $S = \dots\dots\dots$



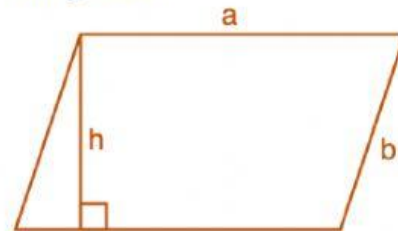
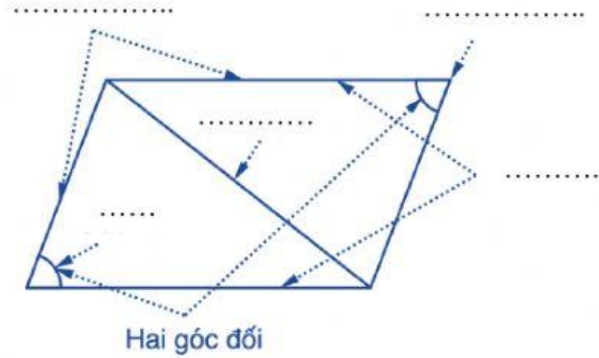
5. Hình bình hành

Trong hình bình hành:

- Các cạnh đối
- Hai đường chéo cắt nhau tại mỗi đường.
- Các góc đối

Cho hình bình hành có kích thước như hình bên. Chọn công thức đúng:

- $C = \dots\dots\dots$
- $S = \dots\dots\dots$



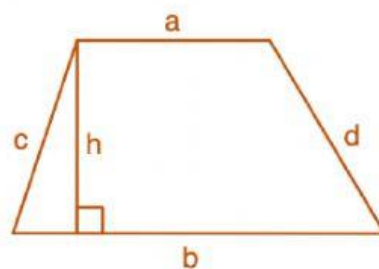
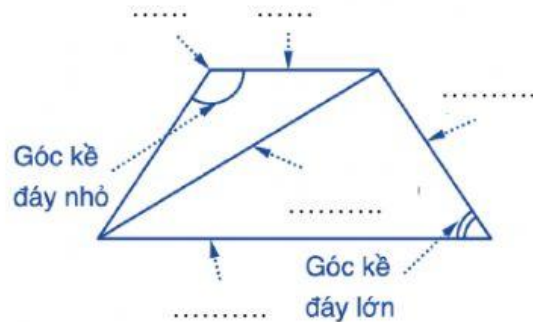
6. Hình thang

Trong hình thang cân:

- Hai cạnh bên
- Hai đường chéo
- Hai cạnh đáy với nhau.
- Hai góc kề một đáy

Cho hình thang có kích thước như hình bên. Chọn công thức đúng:

- $C = \dots\dots\dots$
- $S = \dots\dots\dots$



Hết